

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY  
ĐỢT 3 NĂM 2025**

| Stt | Họ                  | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | Mã ngành | Ngành trúng tuyển                |
|-----|---------------------|-------|-----------|------------|----------|----------------------------------|
| 1.  | Nguyễn Trường Thiên | Ý     | Nữ        | 18/10/2002 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 2.  | Nguyễn Thị Anh      | Tú    | Nữ        | 07/04/2004 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 3.  | Nguyễn Thị Trúc     | Quyên | Nữ        | 30/06/1984 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 4.  | Hoàng Lê Thảo       | Hiền  | Nữ        | 15/10/1993 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 5.  | Hoàng Thị Yến       | Quỳnh | Nữ        | 21/04/1994 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 6.  | Trần Thị Ánh        | Sương | Nữ        | 03/02/1986 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 7.  | Mai Quang           | Trung | Nam       | 01/01/1986 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 8.  | Đặng Tú             | Anh   | Nữ        | 01/06/1995 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 9.  | Hà Thị Kim          | Tuyền | Nữ        | 15/12/1993 | 7220201  | Ngôn Ngữ Anh                     |
| 10. | Vũ Anh              | Tuấn  | Nam       | 15/10/2001 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 11. | Phan Ngọc           | Phi   | Nam       | 12/06/1998 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 12. | Lê Quốc             | Anh   | Nam       | 26/01/2006 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 13. | Bùi Quốc            | Kiệt  | Nam       | 03/09/2006 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 14. | Ngô Minh            | Cương | Nam       | 25/11/2006 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 15. | Trần Trí            | Tài   | Nam       | 08/09/1986 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 16. | Tôn Thất            | Thông | Nam       | 29/11/1999 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 17. | Võ Lý Nhật          | Hoà   | Nam       | 10/12/2000 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 18. | Đoàn Nhật           | Minh  | Nam       | 20/12/1989 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 19. | Trần Quốc           | Dương | Nam       | 02/05/1996 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 20. | Cao Thiên           | Phú   | Nam       | 22/03/2006 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 21. | Đặng Minh           | Hiếu  | Nam       | 10/07/2006 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 22. | Lê Văn              | Văn   | Nam       | 18/10/1990 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |

| Stt | Họ              | Tên    | Giới tính | Ngày sinh  | Mã ngành | Ngành trúng tuyển                |
|-----|-----------------|--------|-----------|------------|----------|----------------------------------|
| 23. | Vũ Hoàng        | Anh    | Nam       | 12/03/2006 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 24. | Hoàng Quang     | Anh    | Nam       | 30/05/2002 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 25. | Trần Quốc       | Toàn   | Nam       | 06/09/1988 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 26. | Trần Phạm Gia   | Kiệt   | Nam       | 23/10/2006 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 27. | Trịnh Văn       | Nam    | Nam       | 16/12/2004 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 28. | Trần Quang      | Hung   | Nam       | 09/03/2003 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 29. | Nguyễn Thành    | Đạt    | Nam       | 14/03/1996 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 30. | Lưu Hữu         | Nghĩa  | Nam       | 27/10/1996 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 31. | Trần Quốc       | Việt   | Nam       | 30/07/1991 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 32. | Ngô Nguyễn Duy  | Huy    | Nam       | 28/02/1994 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 33. | Lưu Hoàng       | Thông  | Nam       | 09/01/1996 | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 34. | Hà Đào Thanh    | Tú     | Nữ        | 16/05/2001 | 7340301  | Kế toán                          |
| 35. | Trần Thị Anh    | Tú     | Nữ        | 13/11/2006 | 7340301  | Kế toán                          |
| 36. | Võ Thị Thủy     | Ngân   | Nữ        | 04/04/2006 | 7340301  | Kế toán                          |
| 37. | Nguyễn Thị Thảo | Nguyên | Nữ        | 05/10/2006 | 7340301  | Kế toán                          |
| 38. | Nguyễn Thị Mai  | Hương  | Nữ        | 20/02/2004 | 7340301  | Kế toán                          |
| 39. | Bùi Quang       | Huy    | Nam       | 28/11/2006 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 40. | Lê Thị Hoàng    | Nguyên | Nữ        | 18/06/1995 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 41. | Nguyễn Thị Thủy | An     | Nữ        | 28/08/1995 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 42. | Nguyễn Văn Thái | Son    | Nam       | 03/08/2006 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 43. | Nguyễn Lê Tuấn  | Anh    | Nam       | 28/03/2003 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 44. | Trần Thị Thúy   | Vy     | Nữ        | 23/11/2006 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 45. | Hoàng Vũ        | Huy    | Nam       | 01/01/1993 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 46. | Trần Đức        | Hung   | Nam       | 24/08/1995 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 47. | Nguyễn Thị Hồng | Thủy   | Nữ        | 24/09/1991 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 48. | Ngô Trí         | Quang  | Nam       | 14/12/1992 | 7340101  | Quản trị kinh doanh              |
| 49. | Trần Minh       | Lộc    | Nữ        | 22/08/1982 | 7540101  | Công nghệ thực phẩm              |
| 50. | Trần Tiến       | Bộ     | Nam       | 13/11/1978 | 7540101  | Công nghệ thực phẩm              |
| 51. | Nguyễn Đức      | Quyền  | Nam       | 29/01/2004 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học        |

| Stt | Họ               | Tên    | Giới tính | Ngày sinh  | Mã ngành | Ngành trúng tuyển         |
|-----|------------------|--------|-----------|------------|----------|---------------------------|
| 52. | Đỗ Việt          | Minh   | Nam       | 17/08/1995 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 53. | Nguyễn Thị Diệu  | Hiền   | Nữ        | 04/03/2003 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 54. | Huỳnh Thị Thu    | Ngân   | Nữ        | 16/08/2003 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 55. | Trần Thị         | Thành  | Nữ        | 10/06/1988 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 56. | Huỳnh Thị Minh   | Thư    | Nữ        | 12/11/1987 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 57. | Trần Văn         | Liêm   | Nam       | 29/01/2002 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 58. | Nguyễn Đức       | Thịnh  | Nam       | 05/01/1991 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 59. | Trần Anh         | Tuấn   | Nam       | 25/12/1989 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 60. | Hứa Thị Mỹ       | Nghiệp | Nữ        | 11/12/2003 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 61. | Lê Thị Kim       | Tiến   | Nữ        | 18/03/1983 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 62. | Đặng Thị Cẩm     | Hằng   | Nữ        | 25/09/1986 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 63. | Nguyễn Thị       | Huê    | Nữ        | 10/08/1994 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 64. | Mai Kim          | Phục   | Nam       | 10/04/2003 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 65. | Nguyễn Thanh     | Sang   | Nam       | 21/10/2004 | 7720601  | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| 66. | Nguyễn Thị Diễm  | Trinh  | Nữ        | 08/07/1992 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 67. | Đinh Thị Hồng    | Quyên  | Nữ        | 22/07/1982 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 68. | Võ Thị Ánh       | Dương  | Nữ        | 26/11/1991 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 69. | Đoàn Thị Hồng    | Châu   | Nữ        | 10/11/1990 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 70. | Nguyễn Nhất      | Nguyên | Nam       | 08/09/1994 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 71. | Lê Đức           | Phương | Nam       | 20/08/1987 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 72. | Huỳnh Thanh      | Phong  | Nam       | 29/12/1978 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 73. | Trương Ánh       | Tuyệt  | Nữ        | 06/02/1992 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 74. | Nguyễn Thành     | Son    | Nam       | 05/04/1985 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 75. | Bùi Vũ Hồng      | Hạnh   | Nữ        | 12/07/1992 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 76. | Nguyễn Lê Anh    | Thư    | Nữ        | 28/08/1988 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 77. | Nguyễn Thị       | Thanh  | Nữ        | 30/05/1993 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 78. | Võ Thị Phương    | Châu   | Nữ        | 30/03/1991 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 79. | Ứng Thị          | Thúy   | Nữ        | 29/01/1991 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 80. | Ngô Lại Anh      | Thúy   | Nữ        | 14/07/1983 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 81. | Phan Thị Dương   | Thùy   | Nữ        | 29/11/1990 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 82. | Cao Thị          | Hòa    | Nữ        | 22/06/1989 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 83. | Ngô Mạnh Thái    | Vũ     | Nam       | 16/02/1992 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 84. | Nguyễn Thị Thanh | Thủy   | Nữ        | 10/12/1983 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 85. | Nguyễn Văn       | Hoàng  | Nam       | 19/07/1996 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 86. | Cao Thị          | Huyền  | Nữ        | 25/06/1991 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 87. | Phan Thị Thanh   | Bình   | Nữ        | 05/03/1991 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 88. | Lê Thị Trang     | Đài    | Nữ        | 11/07/1994 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 89. | Lý Thị Mỹ        | Duyên  | Nữ        | 28/10/1991 | 7720301  | Điều dưỡng                |
| 90. | Nguyễn Thị       | Tình   | Nữ        | 12/03/1996 | 7720301  | Điều dưỡng                |

| <b>Stt</b> | <b>Họ</b>         | <b>Tên</b> | <b>Giới tính</b> | <b>Ngày sinh</b> | <b>Mã ngành</b> | <b>Ngành trúng tuyển</b> |
|------------|-------------------|------------|------------------|------------------|-----------------|--------------------------|
| 91.        | Phạm Thị          | Liên       | Nữ               | 15/10/2001       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 92.        | Nguyễn Lê Gia     | Hân        | Nữ               | 30/01/2003       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 93.        | Lê Thị Mỹ         | Duyên      | Nữ               | 05/11/2002       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 94.        | Trương Thị Phương | Dung       | Nữ               | 19/10/1982       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 95.        | Nguyễn Thị Ngọc   | Ánh        | Nữ               | 19/07/1996       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 96.        | Chế Trần Thị Như  | Quỳnh      | Nữ               | 05/03/1990       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 97.        | Cao Thị           | Mai        | Nữ               | 10/10/1986       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 98.        | Lê Đức            | Hòa        | Nam              | 28/01/1994       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 99.        | Nguyễn Thị Ngọc   | Huyền      | Nữ               | 05/09/1992       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 100.       | Võ Hoài           | Hận        | Nam              | 24/12/1990       | 7720301         | Điều dưỡng               |
| 101.       | Dương Hoàng       | Anh        | Nam              | 20/08/1994       | 7720301         | Điều dưỡng               |

*(Danh sách có tổng: 101 thí sinh)*